

onhicpa@ợợợợ ợợợợợợợợợợ.

ợợợ, 28 1ợ 2015 03:55 - ợợợ ợợợợợ ợợợ, 28 1ợ 2015 03:58

[porno](#) [porn](#)



PHỢN 1: CẶC ĐỢM CHUNG

1. Bợ tợ tợ hợnh thợ cợ sợ kợ to醤, DN tợ quyợ tợ đợnh hợnh thợ cợ sợ phợ hợp vợ i DN (Phợ hợ cợ hợnh thợ cợ sợ QĐ15 chợ mang tợnh tham kợ o).
2. Tợ tợ cợ DN đợu đợợ cợ dợng ngoợ i tợ làm đợn vợ tợ n tợ trong kợ to醤 (nợ u thợ đợu kiợ n quy đợnh) nhợ ng phợ i lợp BCTC chợợ n đợ i theo VNĐ, kiợ m to醤 BCTC VNĐ và sợ đợng BCTC VNĐ là Báo cáo pháp lý (trợợ cợ đợy chợ DN FDI đợợ cợ sợ đợng ngoợ i tợ là đợn vợ tợ n tợ trong kợ to醤 và BCTC bợ ng ngoợ i tợ đợợ cợ kiợ m to醤 cũng là BCTC mang tợnh pháp lý).
3. DN tợ quyợ tợ đợnh viợ cợ ghi nhợ n vợ n kợnh doanh cợ p cho đợn vợ hợ ch to醤 phợ thuợ cợ là Nợ phợ i trợ (336) hoợ cợ Vợ n chợ sợ hợ u (411).
4. DN phợ i ghi nhợ n Doanh thu, giá vợ n đợu chợợ n sợ n phợ m, hàng hoợ, đợ ch vợ nợ i bợ nợ u viợ cợ đợu chợợ n này tợ o ra giá trợ gia tợng trong sợ n phợ m, hàng hoợ, đợ ch vợ
KHỢNG PHỢ THUỢ C VẶO HỢNH THỢ C CỢ A CHỢ NG TỢ KỢ TO醤 (Hoợ đợn hay Chợ ng tợ lượn chợợ n nợ i bợ).

PHỢN 2: HỢ THỢ NG TẶI KHOỢ N: cặc tặi khoỢ n TẶI SỢ N không còn phân biợ tợ ngợ n hợ n, dặi hợ n .

1. Bợ cặc tặi khoỢ n

- Bợ cặc tặi khoỢ n: 142, 144, 223, 311, 315, 342, 415.
- Bợ cặc tặi khoỢ n 129, 139, 159
- Bợ cặc tặi khoỢ n 512, 531, 532
- Thêm tặi khoỢ n 357-Quợ bợnh ợ n giá
- Bợ TOẶN Bợ TẶI SỢ N NGOẶI Bợ NG CĐKT

2. Kợ to醤 tợ n:

- 1113: Vàng tợ n tợ (trợợ cợ đợy là Vàng bợ c, kim khí quý, đá quý)
- KhoỢ n thợ u chi ngặn hàng không đợợ cợ ghi âm 112 mà đợợ cợ phợ n ánh tợợ ng tợ vay ngặn hàng (341-Vay và nợ tặi chợnh, TT 200 đợ bợ 311 và 315)
- Thay đợ i cặch xợc đợnh tợ giá giao đợ ch thợ cợ tợ trong cặc giao đợ ch ngoợ i tợ

- Đợnh giá lợ i cặc khoỢ n mợ cợ tợ n tợ có gợ cợ ngoợ i tợ: tợ i tợ tợ cợ cặc thợ i đợm phợ i lợp BCTC (không bao gợ m cặc khoỢ n nhợ n trợợ cợ cợ a ngợợ i mua hoợ cợ trợ trợợ cợ cho ngợợ i bán

bợng ngoợi tợ, Doanh thu nhợn trợ cợ hoợc chi phí trợ trợ cợ bợng ngoợi tợ).

- Bợ sung thêm: phợi đợnh giá lợi Các khoợn cho vay, đợ tợ cợ cợ, ký cợ cợ, ký quợ đợ cợ quyợ n nhợn lợi hoợc nhợn đợ tợ cợ cợ, ký cợ cợ, ký quợ bợng ngoợi tợ phợi hoàn trợ.

3. Kợ toỏn đợu tợ tài chính

-Tài khoợn 121-Chợng khoỏn kinh doanh (trợ cợ đợy là Đợu tợ chợng khoỏn ngợ n hợ n)

- Theo quyợ tợ nhợ 15/2006 thì TK 121 gợm Chợng khoỏn kinh doanh và Chợng khoỏn nợm giợ chợ đợo hợ n đợo i 12 thợng.

Nay Thợng tợ 200 thì TK 121 chợ là Chợng khoỏn kinh doanh ;

- Chợng khoỏn nợm giợ chợ đợo hợ n đợo i 12 thợng chuyợ n sang TK 128
- Cợ tợ cợ bợng cợ phiợ u, nhợ đợu tợ chợ theo đợi sợ lợợng trợn thuyợ tợ minh BCTC.

-Trợợng hợp giợi thợ công ty con và sỏp nhợp toỏn bợ TS và Nợ phợi trợ cợ a công ty con vào công ty mợ, phợi ghi giợm giá trợ ghi sợ khoợn đợu tợ; Ghi nhợn toỏn bợ tài sợ n, nợ phợi trợ cợ a công ty con bợ giợi thợ theo giá trợ hợp lý tợi ngợy sỏp nhợp. Phợ n chệnh lợ chợ giợ a giá phí khoợn đợu tợ và giá trợ hợp lý đợợ cợ ghi nhợn vào Doanh thu TC hoợc Chi phí TC.

-Viợc phân phợi lợi nhuợ n cho chợ sợ hợ u tợi công ty mợ đợợ cợ cợ cợ vào mợc LNST chợ a phân phợi thuợ cợ sợ hợ u cợ a công ty mợ trợn BCTC hợ nhợ t.

4. Kợ toỏn hợp đợng hợp tác kinh doanh (BCC): TT 200 nêu rợ tợ rợ vợ các trợợng hợp cợ a hợp đợng hợp tác kinh doanh so vợ i QĐ 15/2006

Nợ u BCC quy đợnh các bên khác tham gia BCC đợợ cợ hợợng mợ tợ khoợ n lợi nhuợ n cợ đợnh mà không phợ thuợ cợ vào KQKD cợ a hợp đợng, trợợng hợp này mợc đợ hợnh thợ cợ phỏp lý cợ a hợp đợng là BCC nhợng bợ n chợ tợ cợ a hợp đợng là thuê tài sợ n.=> phợi ghi nhợn theo bợ n chợ tợ là Thuê tài sợ n

5. Đợ phợng tợ n thợ tợ tài sợ n (TK 229, trợợ cợ đợy là "Đợ phợng giợm giá đợu tợ dợi hợ n):

Đợ phợng tợ n thợ tợ đợu tợ vào đợ n vợ khác: Là khoợ n đợ phợng tợ n thợ tợ do DN nhợ n vợ n gợp đợu tợ bợ lợ. Đợi vợ i khoợ n đợu tợ vào công ty liên doanh, liên kợ tợ, chợ trích lợ pợ khoợ n đợ phợng BCTC không ỏp đợng phợợng phỏp VCSH.

6. Nguyên tợ cợ toỏn các khoợ n phợi thu: nêu rợ rợng nguyên tợ cợ hợ chợ toỏn giợ a tài khoợ n

131 và 138; 136.

- Phò i thu cò a khách hàng (TK 131) gò m các khoò n phò i thu mang tính chò t thò ò ng m i phát sinh tò giao đò ch có tính chò t mua-bán.
- Phò i thu nò i bò (TK 136) gò m các khoò n phò i thu gò a đò n vò cò p trên và đò n vò cò p đò i trò c thuò c không có tò cách pháp nhân hò ch toán phò thuò c.
- Phò i thu khác (TK 13 gò m các khoò n phò i thu không có tính thò ò ng m i, không liên quan đò n giao đò ch mua bán.
- Khi lò p BCTC, CẢN Cò Kò Hò N CÒN Lò l cò a các khoò n phò i thu đò phân loò i LÀ DÀI Hò N HÒ C NGò N Hò N. Các chò tiêu phò i thu cò a Bò ng CĐKT có thò bao gò m cò các khoò n đò ò c phò n ánh ò các TK khác.
- Bên giao uò thác xuò t khò u sò đò ng TK 131, bên nhò n uò thác sò đò ng TK 138, ngoò i trò phò i thu vò phò uò thác.
- TK 138 phò n ánh các khoò n cho bên khác mò ò n bò ng TÀI Sò N PHI TIò N Tò (nò u cho mò ò n bò ng tiò n thì phò i kò toán là cho vay trên TK 1283-Cho vay)

7.Hàng tò n kho:

- KHÔNG ÁP Dò NG PHò ò NG PHÁP LIFO
- Bò sung kò thuò t tính giá theo PHò ò NG PHÁP GIÁ BÁN Lò
- NÊU CHI TIò T CÁCH Hò CH TOÁN CÁC TRò ò NG Hò P XUò T KHO KHUYò N Mò I, QUò NG CÁO
- Không vò n hoá lãi vay đò i vò i nhà thò u xây lò p
- Không áp đò ng TK 157 khi chuyò n hàng tò n kho cho các đò n vò phò thuò c (mà sò đò ng TK 136)

8. Thuò GTGT đò ò c khò u trò (TK 133):

- Nêu chi tiò t kò thuò t chia thuò GTGT trong hò p đò ng hò p tác kinh doanh (BCC)
- Bò các bút toán kê khai thuò GTGT đò u vào và đò u ra trong các giao đò ch sò n phò m hàng hoá tiêu dùng nò i bò , khuyò n mãi quò ng cáo.

9.Nguyên tác kò toán TSCĐ, BĐSĐT và XDCh:

- Khi mua TSCĐ nò u đò ò c nhò n kèm thêm thiò t bò , phò tùng thay thò thì phò i xác đò nh và ghi nhò n riêng sò n phò m, phò tùng thiò t bò thay thò theo giá trò hò p lý.Nguyên giá mua

TSCĐ mua đợc xác đợnh bợng tợng giá trợ cợa tài sợn đợc mua trợ đợ giá trợ sợn phợm, thiợ tợ, phợ tợng thay thợ.

- Các chi phí bợo đợng, sợa chợ, duy trì cho TSCĐ hoợ tợ đợng bợng thợ đợnh kợ đợc trích trợ cợ đợ phòng phợi trợ -TK 352 (không sợ đợng TK 335).
- BĐS đợu tợ cho thuê hoợ tợ đợng phợi trích khợu hao; BĐSĐT nợm giợ chợ tăng giá, doanh nghiợp không trích khợu hao mà xác đợnh tợn thợ tợ do giợm giá trợ.
- Chợ đợu tợ xây đợng BĐS sợ đợng tài khoợn 241 đợ tợp hợp chi phí xây đợng BĐS sợ đợng cho nhiợu mợc đợch. Khi công trợnh, đợ án hoợn thành bàn giao đợa vào sợ đợng, kợ toán căn cợ cách thợc sợ đợng tài sợn trong thợc tợ đợ kợ tợ chuyợn chi phí đợu tợ xây đợng phợ hợp vợi bợn chợ tợ cợa tợng loợi.

10. Chi phí trợ trợ cợ:

- Phợi theo dợi chi tiợ tợ thợi gian trợ trợ cợ đợ phân loợi trợn bợng CĐKT.
- Chi phí phát hành trái phợu không ghi nhợn là chi phí trợ trợ cợ.

11. Thuợ TN hoợn lợi:

- Không sợ đợng khợi niợm chệnh lợch vợnh vợn.
- Đợc phép Bợ trợ trợn BCTC khi cợa cùng DN và cùng cợ quan thuợ quợn lý.

12. Kợ toán các khoợn nợ phợi trợ: tợng tợ khoợn phợi thu

Các khoợn thuợ gián thu nhợ thuợ GTGT (trợ cợ tợp và gián tợp), thuợ TTĐB, XK, BVMT và các loợi thuợ gián thu khác phợi loợi trợ ra khợi sợ liợu vợ doanh thuợ gợp trợn BCTC hoợ cợ báo cáo khác.

13. Chi phí phợi trợ:

- Phân biợ tợ TK 335-Chi phí phợi trợ và 352-Dợ phòng phợi trợ
- TK 352: không chợ cợ chợn vợ mợ tợ thợi gian và giá trợ; hàng hoá, đợ chợ vợ chợa nhợn.

14. Vay và nợ thuê tài chính (TK 341, bợ TK 311, 315 và gợp vào 341): không bao gợm vay đợi hợnh thợc phát hành trái phợu.

15. K toán v n ch s h u:

- Ghi nh n theo V N TH C GÓP, không ghi nh n v n góp theo v n đi u l trên gi y phép đăng ký kinh doanh.
- Xác đ nh ph n v n góp c a nhà đ u t b ng ngo i t : khi gi y phép đ u t quy đ nh v n đi u l c a DN đ c xác đ nh b ng ngo i t t ng đ ng v i m t s l ng ti n VND, vi c xác đ nh ph n v n góp c a nhà đ u t b ng ngo i t (th a, thi u, đ so v i v n đi u l) đ c căn c vào S L NG NGO I T ĐÃ TH C GÓP, không xem xét t i vi c quy đ i ngo i t ra VNĐ theo gi y phép đ u t .

16. K toán các kho n Doanh thu:

- Doanh thu và chi phí t o ra kho n doanh thu đó ph i đ c ghi nh n đ ng th i theo nguyên t c phù h p. Trong 1 s T.H p, nguyên t c phù h p có th xung đ t v i nguyên t c th n tr ng trong k toán, thì k toán ph i căn c vào b n ch t và các Chu n m c k toán đ ph n ánh giao đ ch m t cách trung th c, h p lý.
- Nh n m nh: Th i đ i m, căn c đ ghi nh n doanh thu k toán và doanh thu tính thu có th khác nhau tu vào t ng tình hu ng c thu . Doanh thu tính thu ch đ c s đ ng đ xác đ nh s thu ph i n p theo lu t đ nh; Doanh thu ghi nh n trên s k toán đ l p BCTC ph i tuân th các nguyên t c k toán và tu theo t ng tr ng h p không nh t thi t ph i b ng s đã ghi trên hoá đ n bán hàng.
- N u s n ph m, HH, DV đã tiêu th t các k tr c, đ n k sau ph i gi m giá, ph i chi t kh u th ng m i, b tr l i nh ng phát sinh tr c th i đ i m phát hành BCTC ph i coi đây là m t s ki n c n đi u ch nh, phát sinh sau ngày l p b ng CĐKT.

Doanh thu bán BDS c a DN là ch đ u t : nêu r t k các tr ng h p ghi nh n doanh thu.

- Chìa khoá trao tay: ghi nh n Doanh thu khi trao chìa khoá nhà, không ghi nh n doanh thu khi Khách hàng ng tr c ti n.
- T.H p khách hàng có quy n ch n nhà th u hoàn thi n n i th t: ch đ u t đ c ghi nh n Doanh thu khi bàn giao ph n thô.

Đ i v i ti n lãi ph i thu t các kho n cho vay, bán hàng tr ch m, tr góp: Doanh thu ch đ c ghi nh n khi ch c ch n thu đ c và kho n g c cho vay, n g c ph i thu không b phân lo i là quá h n c n ph i l p đ phòng.

17. K toán các kho n chi phí:

onthicpa@ 0000 00000000.

000, 28 1 2015 03:55 - 0000 0000 000, 28 1 2015 03:58

Các kho n chi phí không đ c coi là chi phí tính thu TNDN theo quy đ nh c a Lu t thu nh ng có đ y đ hoá đ n ch ng t và đã h ch toán đúng theo Ch đ k toán toán thì không đ c ghi g m chi phí k toán mà ch đ u ch nh trong quy t toán thu TNDN đ làm tăng s thu TNDN ph i n p.

PH N 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B NG CÂN Đ I K TOÁN

B sung thêm B ng CĐKT áp d ng cho DN KHÔNG ĐÁP NG GI Đ NH HO T Đ NG LIÊN T C (DN t m ng ng ho t đ ng, gi i th ...)

B sung thêm ch tiêu:

- IV. Tài s n d dang dài h n:

1. Chi phí s n xu t, kinh doanh d dang dài h n: các d án treo, m c c xanh lâu nay s ph i l i t kê vào m c này.---> ch tiêu m i

- V n ch s h u:

11. LNST ch a phân ph i: tách chi ti t thành 2 ch tiêu

- LNST ch a phân ph i lu k đ n cu i k tr c.---> ch tiêu m i
- LNST ch a phân ph i k này.---> ch tiêu m i

BÁO CÁO L U CHUY N TI N T GIÁN TI P: b sung thêm/ch nh s a 1 s ch tiêu:

I. L u chuy n t ho t đ ng kinh doanh

- Lãi, l ch nh l ch TGHĐ do đánh giá l i các kho n m c ti n t có g c ngo i t (tr c đây là Lãi, l ch nh l ch TGHĐ ch a th c hi n)
- Các đ u ch nh khác---> ch tiêu m i
- Tăng, gi m ch ng khoán kinh doanh---> ch tiêu m i

THUY T MINH BCTC:

I. Đ c đ m ho t đ ng c a DN:

4. Chu k s n xu t, kinh doanh thông th ng---> ch tiêu m i

7. Tuyên b v kh năng so sánh thông tin trên BCTC---> ch tiêu m i

VI. Thông tin b sung cho các kho n m c trình bày trong b ng CĐKT

3. Ph i thu c a khách hàng:

c) Ph i thu c a khách hàng là các bên liên quan (chi ti t t ng đ i t ng)---> ch tiêu m i

5. Tài sợn thiợu chợ xợ lý (Chi tiợ tợng loợi tài sợn thiợu)---> chợ tiêu mợi

6. Nợ xợu---> chợ tiêu mợi

8. Tài sợn dợ dang dài hợn: dợ án treo, công trình chợ mợi nợ đợ cợ mợc hoang phợi thuyợ tợ minh vào đây---> chợ tiêu mợi

15. Vay và nợ thuê tài chính---> chợ tiêu mợi

Sợ có khợ năng trợ nợ ::

Thuyợ tợ minh chi tiợ tợ vợ các khoợn vay và nợ thuê TC đợi vợi các bên liên quan.

16. Phợi trợ ngợợi bán:

Sợ có khợ năng trợ nợ ---> chợ tiêu mợi

Phợi trợ ngợợi bán là các bên liên quan (chi tiợ tợng đợi tợợng)---> chợ tiêu mợi

17. Thuợ và các khoợn phợi nợ pợ nhà nợợc:

Sợ đã thợc nợ pợ trong năm---> chợ tiêu mợi

20. Doanh thu chợ a thợc hiợn

Doanh thu nhợn trợợc---> chợ tiêu mợi

Khợ năng không thợc hiợn đợợc hợ pợ đợng vợi khách hàng (chi tiợ tợng khoợn mợc, lý do không có khợ năng thợc hiợn)---> chợ tiêu mợi

VII.Thợng tin bợ sung cho các khoợn mợc trình bày trong Báo cáo KQKD:

1. Tợng doanh thu BH & CCDV:

c) Trợợng hợp ghi nhợn doanh thu cho thuê tài sợn là tợng sợ tiợn nhợn trợợc, DN phợi thuyợ tợ minh thêm đợ so sánh sợ khác biợ tợ giợ a vợ cợ ghi nhợn doanh thu theo phợợng pháp phân bợ đợn theo thợi gian cho thuê; Khợ năng suy giợ mợ i nhuợn và luợng tiợn trong tợợng lai do đã ghi nhợn doanh thu đợi vợi toàn bợ sợ tiợn nhợn trợợc.----> cung cợp thợng tin cho nhà đợu tợ đợ đánh giá EPS cợ a DN.

9. Chi phí sợn xuợ tợ, kinh doanh theo yợu tợ : Hợợng đợn rõ tài khoợn đợ lợy chi phí bao gợm cợ CĐKT và KQKD.

Nguợ n : danketoan.com